

Số: **66** /TB-ĐHNLBG-TNMT

Bắc Giang, ngày **16** tháng **01** năm 2024

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý đất đai - Năm 2024 **(Phối hợp thu hồ sơ tại Trường Đại học Hải Phòng)**

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 20/10/2021 về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2024, như sau:

1. Ngành tuyển sinh, dự kiến chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh và thời gian đào tạo

- Ngành tuyển sinh: **Quản lý đất đai** (30 chỉ tiêu);
- Chỉ tiêu: Thuộc chỉ tiêu chung của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;
- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển
- Thời gian đào tạo: 02 năm.

2. Tổ chức đánh giá năng lực Ngoại ngữ

2.1. Ngoại ngữ, dạng thức đề thi và thời gian tổ chức thi

1. Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang tổ chức đánh giá năng lực ngoại ngữ theo dạng thức đề thi tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Thời gian tổ chức đánh giá (dự kiến):

- Đợt 1: Tổ chức hướng dẫn ôn tập (nếu thí sinh có nhu cầu): 01/3-31/3/2024, tổ chức đánh giá: dự kiến 4/2024.
- Đợt 2: Tổ chức hướng dẫn ôn tập (nếu thí sinh có nhu cầu): 01/6-31/7/2024, tổ chức đánh giá: dự kiến 8/2024.
- Đợt 3: Tổ chức hướng dẫn ôn tập (nếu thí sinh có nhu cầu): 01/9-31/11/2024, tổ chức đánh giá: dự kiến 12/2024.

2.2. Miễn đánh giá năng lực ngoại ngữ

Thí sinh được miễn thi ngoại ngữ nếu thuộc một trong các đối tượng được quy định tại *Phụ lục 1*.

3. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

3.1. Đối tượng dự tuyển

- Là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Là người nước ngoài: thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2. Điều kiện dự tuyển: Thí sinh phải có đủ các điều kiện sau:

a. Về văn bằng

Tốt nghiệp hoặc chứng nhận đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

(Danh mục các ngành đào tạo bậc đại học thuộc nhóm ngành phù hợp với các ngành đào tạo thạc sĩ - xem Phụ lục 2).

Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

b. Học bổ sung kiến thức: Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học hoặc chứng nhận đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học được xác định thuộc nhóm ngành phù hợp phải hoàn thành học bổ sung kiến thức trước khi dự thi. Các học phần bổ sung kiến thức - xem Phụ lục 2.

c. Lý lịch bản thân: Phải rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, không trong thời gian thi hành án hình sự, mô tả rõ quá trình hoạt động của bản thân (nếu có) được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

d. Có đủ sức khỏe để học tập.

e. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo thông báo. Nhà trường không trả lại hồ sơ sau khi nộp.

4. Đối tượng và chính sách ưu tiên

4.1. Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 (khu vực đặc biệt khó khăn) trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Thí sinh là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương theo quy định của pháp luật;

- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

4.2. Mức ưu tiên

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại mục 4.1 được cộng 0,5 điểm (thang điểm 10) cho mục đối tượng ưu tiên trong thang điểm đánh giá.

Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

5. Hồ sơ dự tuyển

1) Đơn xin dự tuyển (theo mẫu của Trường - xem trên Website: www.bafu.edu.vn tại mục Đào tạo/ Đào tạo sau đại học/ Tin sau đại học).

2) Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp và bằng điểm đại học (nếu thí sinh học liên thông từ cao đẳng thì phải có bằng và bằng điểm cao đẳng, nếu dự tuyển theo văn bằng 2 thì phải có bằng và bằng điểm của văn bằng 1).

Nếu thí sinh thuộc nhóm ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức không nộp bảng điểm đại học sẽ phải học bổ sung kiến thức đủ các học phần theo quy định tại Phụ lục 02.

3) Giấy công nhận văn bằng nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có).

4) Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa trong vòng 06 tháng.

5) Minh chứng công trình khoa học công bố liên quan đến ngành học tập, nghiên cứu (nếu có).

6) Bản sao công chứng chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có).

7) Bản sao công chứng các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có).

8) Bản sao công chứng chứng chỉ bổ sung kiến thức đại học (nếu có).

9) Công văn cử cán bộ đi thi của thủ trưởng cơ quan (nếu có).

10) Sơ yếu lý lịch dán ảnh và đóng dấu giáp lai (theo mẫu của Trường - xem trên Website: www.bafu.edu.vn). Có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương (đối với người chưa có việc làm) với thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày ký xác nhận đến thời điểm bắt đầu nhận hồ sơ dự thi.

11) 04 ảnh màu 4 × 6 (chụp không quá 6 tháng) mặt sau có ghi họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi sinh và 02 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ, số điện thoại liên hệ của thí sinh.

6. Thời gian nhận hồ sơ, học bổ sung kiến thức, tổ chức xét tuyển, công bố kết quả, khai giảng

6.1. Thời gian nhận hồ sơ, lệ phí tuyển sinh (Trong giờ làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần)

- Đợt 1: Đối với thí sinh tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành không phải học bổ sung kiến thức: Hạn nộp hồ sơ đến hết ngày 31/3/2024; Đối với thí sinh tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành phải học bổ sung kiến thức: Hạn nộp đến hết ngày 15/2/2024.

- Đợt 2: Đối với thí sinh tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành không phải học bổ sung kiến thức: Hạn nộp hồ sơ đến hết ngày 31/7/2024; Đối với thí sinh tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành phải học bổ sung kiến thức: Hạn nộp đến hết ngày 15/6/2024.

- Đợt 3: Đối với thí sinh tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành không phải học bổ sung kiến thức: Hạn nộp hồ sơ đến hết ngày 30/11/2024; Đối với thí sinh tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành phải học bổ sung kiến thức: Hạn nộp đến hết ngày 15/10/2024

- Lệ phí đăng ký, dự tuyển: 450.000 đ/thí sinh (không hoàn lại).

- Học phí học bổ sung kiến thức: theo quy định hiện hành

- Lệ phí tham gia đánh giá năng lực ngoại ngữ do Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang tổ chức: 500.000 đ/thí sinh

- Lệ phí hướng dẫn ôn tập đối với thí sinh tham gia đánh giá năng lực ngoại ngữ do Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang tổ chức: 1.000.000 đồng/thí sinh.

6.2. Thời gian tổ chức học bổ sung kiến thức: Đợt 1: Dự kiến từ 15/2/2024 đến 14/4/2024; Đợt 2: Dự kiến từ 15/6/2024 đến 10/8/2024; Đợt 3: Dự kiến từ 10/10/2024 đến 30/11/2024.

6.3. Thời gian tổ chức họp Hội đồng xét tuyển: Đợt 1: Dự kiến vào 15-19/4/2024; Đợt 2: dự kiến vào 12-16/8/2024; Đợt 3: dự kiến vào 09-13/12/2024.

6.4. Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Đợt 1: Dự kiến vào 22-26/4/2024; Đợt 2: dự kiến vào 19-23/8/2024; Đợt 3: dự kiến vào 16-20/12/2024.

6.5. Thời gian nhập học, khai giảng:

- Đợt 1: Theo giấy báo trúng tuyển (dự kiến cuối tháng 4 đầu tháng 5/2024)
- Đợt 2: Theo giấy báo trúng tuyển (dự kiến cuối tháng 8 đầu tháng 9/2024)
- Đợt 2: Theo giấy báo trúng tuyển (dự kiến cuối tháng 11 đầu tháng 12/2024)

6.6. Địa điểm đào tạo: Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang

6.7. Hình thức đào tạo: Chính quy

6.8. Học phí cao học: Học viên thạc sĩ sẽ đóng học phí theo học kỳ, mức thu đối với khóa tuyển năm 2024 sẽ áp dụng theo quy định tại Khoản 3, Điều 11 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 Quy định cơ chế quản lý, thu học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Thủ tướng Chính phủ.

7. Địa điểm nhận hồ sơ và liên hệ

- Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học và Đào tạo thường xuyên – Trường Đại học Hải Phòng, số 49 Trần Phú, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Điện thoại liên hệ: 0225.3591.034; 0905.200.975 (Cô Lý Thị Vân Chi).

Hoặc:

- Phòng Đào tạo – Trung tâm tuyển sinh và hợp tác đào tạo, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang, phường Bích Động, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Điện thoại: 0204.3674.523; 0975.194.298 (TS. Phạm Thị Dinh), Fax: (0204)3.874.604. Website: bafu.edu.vn/tuyensinh.

- Khoa Tài nguyên và Môi trường, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang. Điện thoại liên hệ: 0914.257.747 (TS. Khương Mạnh Hà).

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu, CT HĐT (để b/c);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Đăng Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, TS.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
NÔNG - LÂM
BẮC GIANG



Mai Thị Huyền

Phụ lục I

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC
NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG
TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

(Kèm theo Thông báo số 66/TB-ĐHNLBG-TNMT ngày 16 tháng 01 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест в русскому языку как	ТРКИ-1	ТРКИ-2

Đối với thí sinh có các chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, Nhà trường sẽ xem xét và gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

Phụ lục II:
DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP TUYỂN SINH THẠC SỸ
NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI VÀ QUY ĐỊNH HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC
 (Kèm theo Thông báo số: 66/TB-ĐHNLBG-TNMT ngày 16 tháng 11 năm 2024
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

A. DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP

STT	Mã số	Tên ngành	Ghi chú
I. Nhóm ngành không phải học bổ sung kiến thức			
1	7850103	Quản lý đất đai	
2		Quản lý ruộng đất	Tên ngành cũ
3		Địa chính	Tên ngành cũ
4		Công nghệ địa chính	Tên ngành cũ
5		Kinh tế địa chính	Tên ngành cũ
II. Nhóm ngành phải học bổ sung kiến thức			
1	7440212	Bản đồ học	
2	7440201	Địa chất học	
3	7520503	Kỹ thuật trắc địa – bản đồ	
4	7620103	Khoa học đất	
5		Thổ nhưỡng	Tên ngành cũ
6		Nông hóa – thổ nhưỡng	Tên ngành cũ
7		Thủy nông cải tạo đất	Tên ngành cũ
8	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị	
9		Trắc địa	Tên ngành cũ
10	7520503	Trắc địa mở công trình	
11	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	
12	72908532	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	
13	7580302-1	Quản lý bất động sản	
14	7340116	Bất động sản	
15	7310501	Địa lý học	
16	7140219	Sư phạm địa lý	
17	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	
18	7620205	Lâm sinh	
19	7580302	Quản lý xây dựng	
20	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước	
21	7580213	Kỹ thuật tài nguyên nước	
22	7380101	Luật	
23	7380101	Luật học (thuộc chuyên ngành Luật)	
24	7380107	Luật kinh tế	
25	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	
26		Môi trường	Tên ngành cũ
27	7520320	Kỹ thuật môi trường	
28	7440301	Khoa học môi trường	
29	7340101	Quản trị kinh doanh	
30	7340101	Quản trị kinh doanh bất động sản (thuộc ngành Quản trị kinh doanh)	
31	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	

STT	Mã số	Tên ngành	Ghi chú
32	7580106	Quản lý đô thị và công trình	
33	7580201	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	
34	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	
35	7310205	Quản lý nhà nước	
36	7310205	Hành chính học (Thuộc ngành Quản lý nhà nước)	
37	7310205	Hành chính công((Thuộc ngành Quản lý nhà nước)	
38		Viễn thám	Tên ngành cũ
39	7340201	Tài chính ngân hàng	
40	7340301	Kế toán	
41	7310101	Kinh tế	
42	7310110	Quản lý kinh tế	
43	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
44	7620112	Bảo vệ thực vật	
45	7620110	Khoa học cây trồng	
46	42620111	Công nghiệp phát triển nông thôn (thuộc ngành phát triển nông nghiệp nông thôn)	
47	7480201	Công nghệ thông tin	
48	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
49	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	

B. QUY ĐỊNH XÉT ĐỐI TƯỢNG PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC

1. Quy định xét đối tượng học bổ sung kiến thức

- Trường hợp không phải học bổ sung kiến thức: Tốt nghiệp đại học được xác định thuộc danh mục ngành không phải học bổ sung kiến thức được liệt kê tại mục A, phụ lục II.

- Trường hợp phải học bổ sung kiến thức: Tốt nghiệp đại học ngành thuộc danh mục ngành phải học bổ sung kiến thức được liệt kê tại mục A, phụ lục II. Hội đồng Khoa chuyên môn sẽ căn cứ vào bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng nhận kết quả học tập ở trình độ tương đương đối chiếu với danh mục tên, số tín chỉ các học phần đã học để xác định các học phần cần bổ sung có biên bản xét và đề nghị Hội đồng tuyển sinh Trường quyết định. Nếu thí sinh ngành phù hợp (*thuộc nhóm phải học bổ sung kiến thức*) không nộp bảng điểm tốt nghiệp đại học hoặc chứng nhận kết quả học tập ở trình độ tương đương, Hội đồng sẽ xét phải học đủ các học phần trong danh mục các học phần bổ sung kiến thức.

2. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức (áp dụng đối với ngành phải học bổ sung kiến thức)

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Luật và chính sách đất đai	4	
2	Trắc địa cơ sở 2	4	
3	Quy hoạch sử dụng đất	4	
4	Đăng ký thống kê đất đai	4	
5	Bản đồ địa chính	3	
Tổng		19	